TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30- 3- 2021
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lược

Bà Đặng Thị Thỏa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số::125/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc " Ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số:01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số:04 ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Đào Xuân T - sinh năm 1967

Trú quán: SN 114 Nguyễn Huệ, phường N, thị xã B, tỉnh T

(Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị N - sinh năm 1968

Trú quán: SN 114 Nguyễn Huệ, phường N, thị xã B, tỉnh T

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và bản tự khai nguyên đơn- ông Đào Xuân T trình bày:

Ông và bà Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã B năm 1990.

Chung sống với nhau được 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung vì cái tôi ở trong con người bà Nguyên quá lớn, tất cả mọi việc trong gia đình đều do bà N định đoạt. Nếu ông có góp ý hoặc can thiệp đều dẫn đến kết quả cãi lộn. Chính vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh. Vì mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên ông bà đã ly thân 9 năm nay không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh. Mặc dù ông đã nhờ tới những người thân trong gia đình và bạn bè khuyên ngăn xong kết quả cũng bằng không, vì vậy cuộc sống không còn ý nghĩa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Đào Thùy L(nữ) sinh năm 1991, cháu thứ hai tên là Đào Đức A(nam) sinh năm 1995. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Do vợ chồng luôn mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến Công ty TNHH Thương mại Xuân Thắng là công ty riêng của gia đình cũng đã phá sản. Bởi vậy, tài sản chung cũng như tài sản riêng của vợ chồng không còn gì. Nay ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ các khoản nợ giữa hai vợ chồng đã được giải quyết không còn khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 30/10/2020 bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông Thắng kết hôn năm 1990. Trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được 2 con, 1 trai 1 gái và vợ chồng có thành lập được công ty mang tên công ty TNHH Xuân Thắng. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có nhiều quan điểm không đồng nhất về cả quan điểm sống cũng như công việc. Dẫn đến công ty làm ăn thua lỗ và phá sản. Chồng bà có làm đơn ly hôn nhưng bà chưa đồng ý ly hôn vào thời điểm này với lý do sau:

- Bà muốn yêu cầu ông T là trụ cột trong gia đình và là giám đốc công ty giải quyết mọi việc liên quan đến mọi công nợ vay do công ty hoạt động cho rõ ràng việc trách nhiệm trả nợ.

- Bà muốn ông T họp gia đình để giải quyết mọi việc vướng mắc trong gia đình.

- Bà đồng ý ly hôn khi mọi vướng mắc được giải quyết.

Về con cái: Các con bà đã trưởng thành

Về tài sản:Vợ chồng không còn tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 18/11/2020 và ngày 04/02/2021 bà Trần Thị N vắng mặt theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:125/TB- TA ngày 09/11/2020 và số 128 ngày 18/01/2021. Bà Trần Thị Nguyên vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã B tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đào Xuân T có mặt, bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Ông Đào Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N. Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường N, thị xã B. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của ông T HĐXX thấy:

Ông Đào Xuân T và bà Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng có nhiều quan điểm không đồng nhất về cả quan điểm sống cũng như công việc dẫn đến công ty làm ăn thua lỗ và phá sản, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân năm 9 năm nay. Nay ông T cương quyết xin ly hôn bà N không đồng ý vì bà muốn ông T giải quyết mọi việc liên quan đến công nợ vay cho rõ rằng về trách nhiệm trả nợ và muốn ông T họp gia đình để giải quyết mọi việc vướng mắc trong gia

đình. HĐXX xét thấy, ông T, bà N đã ly thân nhau 9 năm nay, mạnh ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay đã hơn 5 tháng nhưng hai bên không có gặp gỡ trao đổi những vướng mắc trong gia đình với nhau. Theo ông T khai các khoản nợ giữa hai vợ chồng đã được giải quyết không còn khoản nợ chung nào của hai vợ chồng. Tòa án đã triệu tập hai lần bà N đến làm việc nhưng bà N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và đã bỏ đi khỏi địa phương nên không có cơ sở để khẳng định vợ chồng có còn công nợ chung hay không. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông T xử cho ông T được ly hôn với bà N là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Đào Thùy L(nữ) sinh năm 1991, cháu thứ hai tên là Đào Đức A(nam) sinh năm 1995. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên ông T không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng**: Vợ chồng không còn tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đào Xuân T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 21/10/2020 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007079. Như vậy, ông Đào Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

*** Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân T

* Về hôn nhân: Xử cho ông Đào Xuân T được ly hôn với bà Trần Thị N.

* Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Đào Thùy L(nữ) sinh năm 1991, cháu thứ hai tên là Đào Đức A(nam) sinh năm 1995. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không còn tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đào Xuân T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 21/10/2020 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007079. Như vậy, ông Đào Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Đào Xuân T vắng mặt bà Trần Thị N. Ông Đào Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(30/3/2021). Bà Trần Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã B;*
- *Đ- ơng sự;*
- *UBND phường N(ĐK 1990)*
- *THA Dân sự TXB;*
- *L- u Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA